

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
XÃ AN NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /NQ-HĐND

An Nông, ngày 28 tháng 8 năm 2025

**NGHỊ QUYẾT**

**Ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng nhân dân xã An Nông khóa XVIII,  
nhiệm kỳ 2021-2026**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ AN NÔNG  
KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ HAI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025;*

*Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân số 87/2015/QH13 ngày 20/11/2015;*

*Xét Tờ trình số 09/TTr-TTHĐND ngày 27/8/2025 của Thường trực Hội đồng nhân dân xã An Nông về việc Ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng nhân dân xã An Nông khóa XVIII, nhiệm kỳ 2021 - 2026.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Nghị quyết này là Quy chế hoạt động của Hội đồng nhân dân xã An Nông khóa XVIII, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện

Hội đồng nhân dân xã An Nông giao:

1. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Trưởng các Phòng ban chuyên môn có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

2. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã An Nông, các tổ chức thành viên Mặt trận và các tổ chức xã hội khác phối hợp triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã An Nông khóa XVIII, kỳ họp thứ hai thông qua ngày 28 tháng 8 năm 2025 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 2;
- TT. Đảng ủy xã (b/c);
- TT. HĐND; UBND, UBMTTQVN xã;
- Các Ban HĐND; Đại biểu HĐND xã;
- VP Đảng ủy, HĐND & UBND xã;
- Các phòng, ban, đơn vị, đoàn thể;
- Lưu: VP, HĐND.

**TM. HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Việt Ba**

## **QUY CHẾ**

**Hoạt động của Hội đồng nhân dân  
xã An Nông Khóa XVIII, nhiệm kỳ 2021 - 2026**  
*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: .../2025/NQ-HĐND,  
ngày 28 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã An Nông)*

## **CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG**

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Quy chế này quy định nguyên tắc, chế độ làm việc, trách nhiệm, quyền hạn và mối quan hệ công tác của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ Đại biểu và Đại biểu Hội đồng nhân dân xã.

2. Đối tượng áp dụng: Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân xã và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động của Hội đồng nhân dân xã.

### **Điều 2. Nguyên tắc hoạt động**

1. Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật; thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định.

2. Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, đề cao trách nhiệm cá nhân; tập thể thảo luận, quyết định theo đa số.

3. Công khai, minh bạch trong hoạt động; chịu sự giám sát của Nhân dân; phát huy vai trò làm chủ của Nhân dân.

4. Phát huy trí tuệ tập thể của Hội đồng nhân dân, vai trò của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và trách nhiệm của mỗi đại biểu Hội đồng nhân dân.

5. Đảm bảo sự lãnh đạo toàn diện của cấp ủy Đảng cùng cấp.

### **Điều 3. Chế độ làm việc**

1. Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân xã làm việc theo chế độ hội nghị và quyết định theo đa số. Hiệu quả hoạt động của Hội đồng nhân dân xã được bảo đảm bằng hiệu quả của các kỳ họp Hội đồng nhân dân, hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu, các đại biểu Hội đồng nhân dân; và hiệu quả của sự phối hợp hoạt động với Ủy ban nhân dân xã, Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam xã và các cơ quan, tổ chức khác.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân xã là cơ quan Thường trực của Hội đồng nhân dân làm việc thường xuyên giữa hai kỳ họp, họp định kỳ hoặc đột xuất để giải

quyết công việc theo thẩm quyền, điều hoà, phối hợp hoạt động của các Ban và đại biểu Hội đồng nhân dân; chịu trách nhiệm và báo cáo công tác với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Đảng ủy và Hội đồng nhân dân xã.

3. Các Ban của Hội đồng nhân dân là Cơ quan của Hội đồng nhân dân làm việc theo chế độ tập thể, họp để thẩm tra, giám sát, khảo sát, xem xét các vấn đề thuộc lĩnh vực phụ trách, chịu trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Luật và Quy chế này; báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, ban hành văn bản và được **sử dụng con dấu của Hội đồng nhân dân xã** để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

4. Đại biểu Hội đồng nhân dân xã thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật; được bình đẳng trong thảo luận và quyết định các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân xã.

5. Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã, bộ phận chuyên trách tham mưu giúp việc chịu trách nhiệm trước Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân về kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao.

## **CHƯƠNG II HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ**

### **Điều 4. Vị trí, vai trò của Hội đồng nhân dân xã**

Hội đồng nhân dân là cơ quan quyền lực nhà nước duy nhất tại địa phương, đại diện trực tiếp cho nhân dân trực tiếp tiếp nhận, giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội, hành chính, pháp luật của người dân.

### **Điều 5: Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân xã**

Hội đồng nhân dân cấp xã thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 21 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 và các quy định pháp luật khác có liên quan, cụ thể:

#### **1. Nhiệm vụ quyền hạn của Hội đồng nhân dân xã trong tổ chức và bảo đảm thi hành Hiến pháp, pháp luật:**

a) Quyết định biện pháp bảo đảm thi hành Hiến pháp, pháp luật, các văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên ở địa bàn;

b) Quyết định chính sách, biện pháp để phát triển kinh tế - xã hội, phát triển các ngành, lĩnh vực, phát triển kinh tế tư nhân và đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn theo quy định của pháp luật;

c) Ban hành nghị quyết về những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân; bãi bỏ sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản do mình ban hành khi xét thấy không còn phù hợp hoặc trái pháp luật;

d) Đình chỉ việc thi hành, bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản trái pháp luật của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân.

## **2. Nhiệm vụ quyền hạn của Hội đồng nhân dân xã trong lĩnh vực tổ chức bộ máy và xây dựng chính quyền:**

a) Quyết định thành lập, tổ chức lại, thay đổi tên gọi, giải thể cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân theo quy định của pháp luật;

b) Căn cứ chỉ tiêu được chính quyền địa phương cấp tỉnh giao, quyết định cụ thể biên chế cán bộ, công chức trong các cơ quan của chính quyền địa phương cấp mình, số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn;

c) Xem xét, cho ý kiến về việc thành lập, giải thể, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới và đổi tên đơn vị hành chính cấp xã;

d) Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể, đặt tên, đổi tên thôn theo quy định của pháp luật; quyết định cụ thể số lượng người hoạt động không chuyên trách hưởng phụ cấp từ ngân sách nhà nước trên địa bàn xã theo quy định của chính quyền địa phương cấp tỉnh;

đ) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Trưởng Ban của HĐND, Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Ủy viên Ủy ban nhân dân;

e) Bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân và chấp nhận việc đại biểu Hội đồng nhân dân thôi làm nhiệm vụ đại biểu theo quy định của pháp luật.

## **3. Nhiệm vụ quyền hạn của Hội đồng nhân dân xã trong lĩnh vực quy hoạch, kế hoạch, đầu tư, tài chính, ngân sách, liên kết, hợp tác giữa các đơn vị hành chính cấp xã:**

a) Quyết định phát triển kinh tế - xã hội 05 năm và hàng năm của cấp mình, kế hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực, các quy hoạch chi tiêu xây dựng hạ tầng, giao thông trên địa bàn đảm bảo phù hợp, thống nhất với quy hoạch, kế hoạch của chính quyền địa phương cấp tỉnh và quy hoạch chung của cấp mình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; dự toán thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ dự toán ngân sách cấp mình, điều chỉnh dự toán ngân sách cấp mình trong trường hợp cần thiết; phê chuẩn quyết toán ngân sách cấp mình và các nội dung khác theo quy định của pháp luật và ngân sách nhà nước.

c) Quyết định các chủ trương đầu tư chương trình, dự án trên địa bàn theo quy định của pháp luật về đầu tư công, quyết định biện pháp huy động sự đóng góp của Nhân dân để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, giao thông, công trình công cộng.

d) Quyết định chương trình, biện pháp phát triển kinh tế hộ gia đình, các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

## **4. Nhiệm vụ quyền hạn của Hội đồng nhân dân xã trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, thông tin, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số:**

a) Quyết định biện pháp, chương trình, đề án về phát triển khoa học, công nghệ, thông tin, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn;

b) Quyết định biện pháp, xây dựng chính quyền địa phương số, kinh tế số, xã hội số ở địa bàn; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động của chính quyền địa phương cấp mình và cung ứng dịch vụ công cho người dân, doanh nghiệp trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

**5. Nhiệm vụ quyền hạn của Hội đồng nhân dân xã trong lĩnh vực đất đai, tài nguyên, môi trường, nông, lâm, ngư nghiệp, công nghiệp, thương mại, dịch vụ, du lịch, xây dựng và giao thông:**

a) Thông qua quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của cấp xã trước khi trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt;

b) Quyết định biện pháp quản lý, sử dụng có hiệu quả đất đai, tài nguyên nước, rừng, bảo vệ môi trường trên địa bàn theo quy hoạch, kế hoạch và quy định của pháp luật; biện pháp thực hiện nhiệm vụ phòng chống thiên tai, dịch bệnh trên địa bàn.

c) Quyết định biện pháp phát triển nông nghiệp, nông thôn, lâm nghiệp, ngư nghiệp, công nghiệp, thương mại, dịch vụ, du lịch, xây dựng, giao thông, biện pháp xây dựng chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn.

**6. Nhiệm vụ quyền hạn của Hội đồng nhân dân xã trong lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hoá, xã hội, thể dục, thể thao:**

a) Quyết định biện pháp phát triển sự nghiệp giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở; chăm sóc sức khỏe ban đầu cho Nhân dân; phát triển văn hóa, xã hội, thể dục, thể thao trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

b) Quyết định biện pháp thực hiện chính sách an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững, giải quyết việc làm, bảo vệ và chăm sóc trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn theo quy định của pháp luật

**7. Nhiệm vụ quyền hạn của Hội đồng nhân dân xã trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh, dân tộc, tôn giáo:**

- Quyết định biện pháp đảm bảo nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội; xây dựng lực lượng dân quân tự vệ trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

- Quyết định biện pháp thực hiện chính sách dân tộc, tôn giáo, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa, tín đồ tôn giáo địa bàn theo quy định của pháp luật.

**8. Giám sát việc tuân thủ Hiến pháp và pháp luật:**

- Giám sát việc tuân theo Hiến pháp và pháp luật ở địa phương, và thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp mình, giám sát hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và cơ quan khác ở địa phương.

**9. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp và các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.**

**Điều 6. Kỳ họp Hội đồng nhân dân**

## **1. Thời gian, tần suất kỳ họp:**

- Hội đồng nhân dân cấp xã họp mỗi năm ít nhất 02 kỳ họp thường lệ. Hội đồng nhân dân quyết định kế hoạch tổ chức kỳ họp thường lệ vào kỳ thứ nhất của Hội đồng nhân dân đối với năm bắt đầu của nhiệm kỳ và vào kỳ họp cuối của năm trước đó đối với các năm tiếp theo của nhiệm kỳ theo đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân.

- Hội đồng nhân dân kỳ họp chuyên đề hoặc kỳ họp để giải quyết công việc phát sinh đột xuất khi Thường trực Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp hoặc ít nhất một phần ba tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân yêu cầu.

- Cử tri cấp xã có quyền làm đơn yêu cầu Hội đồng nhân dân họp bàn và quyết định những công việc của xã. Khi trong đơn yêu cầu có chữ ký trên 10% tổng số cử tri cấp xã thì Thường trực Hội đồng nhân dân tổ chức kỳ họp chuyên đề hoặc họp để giải quyết công việc phát sinh mà cử tri kiến nghị.

## **2. Triệu tập kỳ họp:**

- Thường trực Hội đồng nhân dân xã triệu tập kỳ họp Hội đồng nhân dân. Chậm nhất là 07 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp thường lệ, Thường trực Hội đồng nhân dân phải gửi giấy mời và tài liệu kỳ họp đến đại biểu Hội đồng nhân dân. Đối với kỳ họp bất thường, chậm nhất là 03 ngày trước ngày khai mạc.

## **3. Chủ trì kỳ họp:**

- Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã chủ tọa kỳ họp Hội đồng nhân dân. Khi Chủ tịch Hội đồng nhân dân vắng mặt, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân chủ tọa.

## **4. Nội dung kỳ họp:**

- Xem xét, thảo luận và thông qua các dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp xã.

- Chất vấn và xem xét trả lời chất vấn của các đối tượng bị chất vấn.

- Các nội dung khác theo quy định của pháp luật.

## **5. Trình tự, thủ tục thông qua Nghị quyết:**

- Dự thảo nghị quyết được gửi đến đại biểu Hội đồng nhân dân để nghiên cứu trước kỳ họp.

- Tại kỳ họp, dự thảo nghị quyết được thảo luận công khai.

- Đại biểu Hội đồng nhân dân biểu quyết thông qua dự thảo nghị quyết. Nghị quyết được thông qua khi có quá nửa tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân biểu quyết tán thành. Đối với các nghị quyết về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh thì phải được quá nửa tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân tán thành.

## **6. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân và công bố nghị quyết:**

- Nghị quyết của Hội đồng nhân dân có hiệu lực thi hành kể từ ngày được Hội đồng nhân dân thông qua hoặc ngày có hiệu lực ghi trong Nghị quyết.

- Nghị quyết của Hội đồng nhân dân phải được công bố chậm nhất là 05 ngày kể từ ngày thông qua trên các phương tiện thông tin đại chúng của xã và niêm yết công khai tại trụ sở Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã và các địa điểm công cộng khác.

## **Điều 7. Hoạt động chất vấn tại kỳ họp**

### **1. Đối tượng chất vấn:**

Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân, các thành viên Ủy ban nhân dân, Thủ trưởng Cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân xã.

### **2. Trình tự, thủ tục chất vấn:**

- Đại biểu Hội đồng nhân dân gửi phiếu chất vấn hoặc chất vấn trực tiếp tại kỳ họp.

- Người bị chất vấn trả lời trực tiếp hoặc bằng văn bản. Thời gian trả lời bằng văn bản do Hội đồng nhân dân quyết định.

- Hội đồng nhân dân có thể ra nghị quyết về việc trả lời chất vấn hoặc giám sát việc thực hiện kết luận, kiến nghị sau chất vấn.

3. Thực hiện nghị quyết về chất vấn: Thường trực Hội đồng nhân dân có trách nhiệm đôn đốc, giám sát việc thực hiện các nghị quyết, kết luận của Hội đồng nhân dân về chất vấn.

## **Điều 8. Hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân xã.**

### **1. Nội dung giám sát:**

Giám sát việc tuân theo Hiến pháp và pháp luật ở địa phương và việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân; giám sát hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân và giám sát hoạt động của Ủy ban nhân dân xã và các cơ quan khác ở địa phương

### **2. Hình thức giám sát:**

- Hội đồng nhân dân xem xét báo cáo công tác của Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cùng cấp tại kỳ họp.

- Hội đồng nhân dân thành lập Đoàn giám sát chuyên đề (nếu cần thiết và được Hội đồng nhân dân quyết định)

- Hoạt động chất vấn tại kỳ họp Hội đồng nhân dân.

- Xem xét việc trả lời kiến nghị của cử tri.

### **3. Xử lý kết quả giám sát:**

Hội đồng nhân dân xem xét, ban hành nghị quyết hoặc có kết luận về kết quả giám sát; yêu cầu các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện các biện pháp xử lý theo quy định của pháp luật.

## **CHƯƠNG III HOẠT ĐỘNG CỦA THƯỜNG TRỰC HĐND XÃ**

## **Điều 9. Vị trí, vai trò của Thường trực Hội đồng nhân dân xã**

Thường trực Hội đồng nhân dân là cơ quan Thường trực của Hội đồng nhân dân xã, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật tổ chức chính quyền địa phương, các nhiệm vụ được Hội đồng nhân dân giao và quy định khác của pháp luật có liên quan; chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân.

Thường trực Hội đồng nhân dân gồm Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân và các Ủy viên là Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân. Thành viên của Thường trực Hội đồng nhân dân không thể đồng thời là thành viên của Ủy ban nhân dân cùng cấp.

Chủ tịch, Phó chủ tịch Hội đồng nhân dân xã có thể là đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách

## **Điều 10. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân xã**

Thường trực Hội đồng nhân dân cấp xã thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 31 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 và các quy định pháp luật khác có liên quan, cụ thể:

1. Thảo luận và quyết định các nội dung thuộc thẩm quyền theo quy định của Pháp luật và các nhiệm vụ được Hội đồng nhân dân cùng cấp giao.

2. Triệu tập các kỳ họp của Hội đồng nhân dân; phối hợp với Ủy ban nhân dân trong việc chuẩn bị kỳ họp Hội đồng nhân dân.

3. Đôn đốc, giám sát Ủy ban nhân dân và các cơ quan khác ở địa phương thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân.

4. Giám sát việc thi hành Hiến pháp và pháp luật tại địa phương.

5. Chỉ đạo, điều hòa, phối hợp hoạt động các Ban của Hội đồng; xem xét kết quả giám sát của các Ban khi xét thấy cần thiết và báo cáo Hội đồng tại kỳ họp gần nhất; giữ mối liên hệ với đại biểu, tổng hợp chất vấn của đại biểu để báo cáo Hội đồng nhân dân; yêu cầu các cơ quan, tổ chức, cá nhân giải trình các vấn đề liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân tại phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân.

6. Tổ chức đề đại biểu Hội đồng nhân dân tiếp công dân, theo quy định của pháp luật; đôn đốc giám sát tình hình giải quyết kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của công dân, tổng hợp báo cáo tại kỳ họp Hội đồng nhân dân.

7. Quyết định số lượng thành viên của các Ban Hội đồng nhân dân cấp mình, phê chuẩn danh sách cho thôi làm Phó Trưởng Ban, Ủy viên của các Ban, theo đề nghị của Trưởng Ban.

8. Cho thôi giữ chức vụ Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân, Ủy viên ủy ban nhân dân cùng cấp do chuyển công tác khác theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 2 điều 37 của Luật này.

9. Thành lập tổ, phân công Tổ trưởng và Tổ phó, quyết định việc chuyển sinh hoạt tại Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân của đại biểu Hội đồng nhân dân.

10. Trình Hội đồng nhân dân bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Trưởng ban, Phó Trưởng ban của Hội đồng nhân dân.

11. Xem xét, đề xuất Hội đồng nhân dân bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân.

## **Điều 11. Chế độ làm việc của Thường trực Hội đồng nhân dân xã**

### **1. Chế độ họp:**

1.1. Thường trực Hội đồng nhân dân họp định kỳ mỗi tháng một lần hoặc họp bất thường khi cần thiết để giải quyết công việc.

1.2. Trách nhiệm, quyền hạn của Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân các thành viên khác của Thường trực Hội đồng nhân dân

### **2. Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã:**

a) Chủ tọa các phiên họp của hội đồng nhân dân đảm bảo theo quy định về kỳ họp Hội đồng nhân dân.

b) Lãnh đạo công tác Thường trực Hội đồng nhân dân, chỉ đạo công tác chuẩn bị dự kiến, chương trình, triệu tập và chủ tọa các phiên họp của Thường trực hội đồng nhân dân.

c) Thay mặt Thường trực giữ mối liên hệ với Ủy ban nhân dân, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận tổ quốc và các thành viên của Mặt trận cùng cấp các tổ chức xã hội khác và nhân dân.

d) Quyết định tạm đình chỉ công tác đối với Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Trưởng Ban, Phó Ban của Hội đồng nhân dân cùng cấp.

### **3. Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân:**

a) Giúp Chủ tịch Hội đồng nhân dân thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng nhân dân và chịu trách nhiệm cá nhân trước Chủ tịch Hội đồng nhân dân; chịu trách nhiệm tập thể về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân; tham gia các phiên họp của Thường trực, thảo luận và quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân.

b) Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, người được chỉ định điều hành hoạt động của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân được thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng nhân dân theo quy định của Luật và các quy định khác của pháp luật liên quan.

### **4. Các thành viên khác của Thường trực Hội đồng nhân dân:**

Chịu trách nhiệm tập thể về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân, chịu trách nhiệm về cá nhân trước Thường trực Hội đồng nhân dân về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được Thường trực phân công, tham

gia các phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân, thảo luận và quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Thường trực Hội đồng nhân dân.

### **5. Phối hợp công tác:**

Thường trực Hội đồng nhân dân phối hợp chặt chẽ với Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp trong việc chuẩn bị các nội dung trình Hội đồng nhân dân, giải quyết các vấn đề phát sinh giữa hai kỳ họp, và tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng nhân dân.

## **CHƯƠNG IV HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC BAN HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN**

### **Điều 12. Vị trí, vai trò, cơ cấu tổ chức các Ban Hội đồng nhân dân xã**

1. Ban của Hội đồng nhân dân xã là cơ quan của Hội đồng nhân dân xã, có chức năng thẩm tra dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án trước khi trình Hội đồng nhân dân xã, giám sát, kiến nghị về những vấn đề thuộc lĩnh vực Ban phụ trách; chịu trách nhiệm và báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân xã. Số lượng, cơ cấu các Ban của Hội đồng nhân dân theo quy định.

2. Hội đồng nhân dân xã thành lập 02 Ban: Ban Kinh tế - ngân sách và Ban Văn hóa - Xã hội

3. Mỗi Ban gồm có Trưởng ban, Phó Trưởng ban và các Ủy viên. Số lượng thành viên của mỗi Ban do Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định.

4. Trưởng ban, Phó Trưởng ban của Hội đồng nhân dân có thể là đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách. Trưởng ban, Phó Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân không thể đồng thời là người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cùng cấp

### **Điều 13. Nhiệm vụ, quyền hạn chung của các Ban Hội đồng nhân dân xã**

1. Chuẩn bị kỳ họp Hội đồng nhân dân liên quan đến lĩnh vực phụ trách

2. Thẩm tra các dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án do Hội đồng nhân dân hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân giao;

3. Giám sát hoạt động của Ủy ban nhân dân và các cơ quan chuyên môn cùng cấp.

4. Khảo sát thu thập thông tin trong lĩnh vực phụ trách

5. Báo cáo kết quả giám sát trước Hội đồng nhân dân và Thường trực Hội đồng nhân dân

6. Báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân (hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân khi Hội đồng nhân dân không họp)

#### **1. Ban Văn hóa - Xã hội :**

- Thẩm tra các dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án về lĩnh Giáo dục, y tế, văn hóa, xã hội, khoa học, công nghệ, thông tin, thể dục, thể thao và chính sách tôn giáo, dân tộc và các chính sách xã hội, xây dựng chính quyền và hoạt động của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tại địa phương; hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân phân công, đảm bảo tính đúng đắn, phù hợp với quy định pháp luật và thực tiễn địa phương.

- Giám sát hoạt động của Ủy ban nhân dân và các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cùng cấp trong các lĩnh vực thuộc phạm vi phụ trách của Ban; Giám sát việc ban hành và thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi phụ trách.

- Báo cáo kết quả giám sát với Hội đồng nhân dân hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân.. Kiến nghị với Hội đồng nhân dân các giải pháp liên quan đến hoạt động giám sát của Ban.

## **2. Ban Kinh tế - Ngân sách:**

- Thẩm tra các dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án, dự án, đầu tư công, về lĩnh vực kinh tế, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, quy hoạch, kế hoạch, đô thị, công nghiệp, nông nghiệp, xây dựng, giao thông, tài nguyên, môi trường; Thẩm tra dự toán thu, chi ngân sách hàng năm của xã; thẩm tra báo cáo quyết toán ngân sách xã, đảm bảo tính hợp pháp, đúng quy định và hiệu quả; Thẩm tra các quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, các chính sách liên quan đến quản lý và sử dụng tài nguyên của xã.

- Giám sát hoạt động của Ủy ban nhân dân và các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân trong lĩnh vực Kinh tế - Ngân sách.

- Tham mưu cho Hội đồng nhân dân trong việc ban hành các Nghị quyết phát triển Kinh tế - Ngân sách xã hội.

## **Điều 14. Chế độ làm việc của các Ban Hội đồng nhân dân**

**1. Chế độ họp:** Các Ban Hội đồng nhân dân làm việc theo chế độ tập thể, quyết định theo đa số thành viên Ban, họp định kỳ theo chương trình công tác hoặc họp đột xuất khi có yêu cầu của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân hoặc theo đề nghị của Trưởng ban để giải quyết công việc.

### **2. Trách nhiệm của Trưởng ban, Phó Trưởng ban, Ủy viên Ban:**

- **Trưởng ban:** Chịu trách nhiệm chung về hoạt động của Ban; chủ trì các cuộc họp của Ban; ký các báo cáo thẩm tra, kết quả giám sát của Ban.

- **Phó Trưởng ban:** Giúp Trưởng ban điều hành công việc; chịu trách nhiệm trước Trưởng ban và Ban về các nhiệm vụ được phân công.

- **Ủy viên Ban:** Tham gia đầy đủ các hoạt động của Ban; nghiên cứu tài liệu, đóng góp ý kiến vào các nội dung thẩm tra, giám sát.

**3. Phối hợp công tác:** Các Ban phối hợp với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức xã hội để thu thập thông tin, tài liệu phục vụ hoạt động thẩm tra, giám sát.

### **Điều 15. Hoạt động thẩm tra của các Ban**

#### **1. Trình tự, thủ tục thẩm tra:**

- Thường trực Hội đồng nhân dân chuyên các dự thảo Nghị quyết, báo cáo, đề án đến Ban để thẩm tra.

- Ban tổ chức họp, nghiên cứu tài liệu, khảo sát thực tế (nếu cần) để thẩm tra.

- Mời đại diện các cơ quan soạn thảo, cơ quan liên quan tham dự, giải trình.

#### **2. Nội dung thẩm tra:**

- Tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo với hệ thống pháp luật.

- Sự phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, tình hình thực tiễn của địa phương.

- Tính khả thi của nội dung dự thảo.

- Tác động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, môi trường.

#### **3. Báo cáo thẩm tra:**

Kết quả thẩm tra phải được thể hiện bằng báo cáo thẩm tra, gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân trước kỳ họp. Báo cáo thẩm tra phải nêu rõ ý kiến của Ban về việc đồng ý, không đồng ý hoặc đồng ý có điều chỉnh đối với dự thảo, kèm theo lý do cụ thể.

### **Điều 16. Hoạt động giám sát của các Ban**

#### **1. Nội dung giám sát:**

Việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân, việc thi hành pháp luật thuộc lĩnh vực phụ trách của Ban; hoạt động của Ủy ban nhân dân và các Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cùng cấp.

#### **2. Hình thức giám sát:**

- Xem xét báo cáo của các cơ quan chịu sự giám sát.

- Tổ chức các đoàn giám sát chuyên đề theo kế hoạch hoặc đột xuất.

- Yêu cầu các cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, tài liệu.

#### **3. Kết quả giám sát và kiến nghị:**

Kết quả giám sát phải được thể hiện bằng báo cáo kết quả giám sát, gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân. Báo cáo cần nêu rõ những hạn chế, tồn tại, nguyên nhân và kiến nghị các biện pháp xử lý.

## **CHƯƠNG V HOẠT ĐỘNG CỦA ĐẠI BIỂU VÀ TỔ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ**

## **Điều 17. Đại biểu Hội đồng nhân dân xã**

### **17.1. Vị trí, vai trò chức năng của đại biểu Hội đồng nhân dân xã**

Đại biểu Hội đồng nhân dân xã là người đại diện cho ý chí, nguyện vọng của nhân dân; là cầu nối giữa nhân dân và chính quyền; tham gia vào các hoạt động của Hội đồng nhân dân, chịu trách nhiệm trước cử tri và Hội đồng nhân dân. Đại biểu Hội đồng nhân dân xã là người đại diện cho tiếng nói của người dân tham gia quyết định các vấn đề quan trọng của địa phương; giám sát hoạt động của chính quyền địa phương; vận động nhân dân thực hiện pháp luật và nghị quyết; tiếp xúc cử tri lắng nghe ý kiến, nguyện vọng của cử tri, đồng thời xem xét, đôn đốc việc giải quyết khiếu nại, tố cáo. Đại biểu Hội đồng nhân dân xã đóng vai trò trung tâm trong việc đảm bảo sự gắn kết giữa chính quyền và người dân, thực hiện quyền làm chủ của nhân dân và giám sát hoạt động của bộ máy nhà nước ở địa phương

### **17.2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Đại biểu Hội đồng nhân dân xã**

Nhiệm vụ, quyền hạn của Đại biểu Hội đồng nhân dân xã theo quy định tại Điều 33 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 cụ thể:

1. Tham gia đầy đủ các kỳ họp, phiên họp Hội đồng nhân dân; tham gia thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân; trường hợp không tham gia kỳ họp, phiên họp thì phải có lý do và phải báo cáo trước với Chủ tọa kỳ họp, phiên họp, trường hợp đại biểu Hội đồng nhân dân không tham dự các kỳ họp liên tục trong 1 năm mà không có lý do chính đáng thì Thường trực Hội đồng nhân dân phải báo cáo Hội đồng nhân dân để bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân đó.

2. Liên hệ chặt chẽ với cử tri; thu thập và phản ánh trung thực ý kiến, kiến nghị của cử tri đến Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và các cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

3. Tiếp công dân, đôn đốc giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân.

4. Đại biểu Hội đồng nhân dân có quyền ứng cử hoặc giới thiệu ứng cử vào các chức danh do Hội đồng nhân dân bầu quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 36 của Luật này. Người được giới thiệu ứng cử có quyền được rút khỏi danh sách những người ứng cử.

5. Chất vấn Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân, các thành viên Ủy ban nhân dân, người đứng đầu cơ quan thuộc UBND cùng cấp.

6. Khi phát hiện các hành vi vi phạm pháp luật, gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, đại biểu Hội đồng nhân dân có quyền yêu các cơ quan, tổ chức hữu quan thi hành những biện pháp cần thiết để kịp thời chấm dứt những hành vi vi phạm pháp luật.

7. Khi thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, đại biểu Hội đồng nhân dân có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức cá nhân cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức, cá nhân đó.

8. Không được bắt, giam, giữ, khởi tố đại biểu Hội đồng nhân dân, khám xét nơi ở và nơi làm việc của đại biểu Hội đồng nhân dân nếu không có sự đồng ý của Hội đồng nhân dân hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân. Trong trường hợp đại biểu Hội đồng nhân dân bị tạm giữ vì phạm tội quả tang thì cơ quan tạm giữ phải lập tức báo cáo để Hội đồng nhân dân hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định.

### **17.3. Chế độ làm việc của đại biểu Hội đồng nhân dân xã**

**1. Tham gia tổ đại biểu Hội đồng nhân dân:** Đại biểu Hội đồng nhân dân có thể được tổ chức thành các tổ đại biểu theo đơn vị bầu cử hoặc theo địa bàn cư trú để thuận tiện cho việc liên hệ và thực hiện nhiệm vụ.

**2. Tiếp xúc cử tri:** Đại biểu Hội đồng nhân dân định kỳ tiếp xúc cử tri tại đơn vị bầu cử hoặc địa bàn cư trú; lắng nghe, ghi nhận ý kiến, kiến nghị của cử tri và báo cáo với Hội đồng nhân dân theo quy định.

**3. Báo cáo hoạt động với cử tri:** Định kỳ hoặc đột xuất, đại biểu Hội đồng nhân dân có trách nhiệm báo cáo với cử tri về hoạt động của mình và của Hội đồng nhân dân.

**4. Chế độ thông tin, tài liệu:** Đại biểu Hội đồng nhân dân được cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu cần thiết phục vụ cho hoạt động của mình.

### **Điều 18. Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã**

#### **18.1. Nhiệm vụ của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã**

1. Giám sát việc thực hiện pháp luật, nghị quyết của Hội đồng nhân dân tại địa phương, phát hiện và kiến nghị các vấn đề bất cập.

2. Nghiên cứu tài liệu, chuẩn bị đóng góp ý kiến cho kỳ họp Hội đồng nhân dân xã; tổ chức cho đại biểu Hội đồng nhân dân xã tiếp xúc cử tri, thu thập ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp Hội đồng nhân dân xã và để đại biểu Hội đồng nhân dân xã báo cáo với cử tri về kết quả kỳ họp sau kỳ họp Hội đồng nhân dân.

3. Thường xuyên giữ mối liên hệ với Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân xã; Tổ đại biểu là cầu nối giữa Hội đồng nhân dân và cử tri, giúp đại biểu nắm bắt tâm tư nguyện vọng và ý kiến của cử tri một cách có hiệu quả.

4. Báo cáo kết quả hoạt động theo định kỳ 6 tháng, cả năm với Thường trực Hội đồng nhân dân xã. Hằng năm và trước khi kết thúc nhiệm kỳ, tổ chức họp đánh giá, bình xét mức độ hoàn thành nhiệm vụ của Tổ và của từng thành viên, gửi Thường trực Hội đồng nhân dân xã để theo dõi, tổng hợp và đề nghị cấp có thẩm quyền xét khen thưởng.

#### **18.2. Nhiệm vụ của Tổ trưởng Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã**

1. Điều hành và chịu trách nhiệm chung về hoạt động của Tổ đại biểu trước Hội đồng nhân dân và Thường trực Hội đồng nhân dân xã.

2. Chủ trì điều hành các phiên họp của Tổ, thay mặt Tổ ký các văn bản của Tổ gửi Thường trực Hội đồng nhân dân xã.

3. Thường xuyên giữ mối liên hệ với Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã, Chủ tọa và Thư ký kỳ họp, các cơ quan, đơn vị trên địa bàn bầu cử để thực hiện các nhiệm vụ của Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân xã theo quy định.

4. Tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri, ý kiến chất vấn của các thành viên trong tổ gửi về Thường trực Hội đồng nhân dân xã và Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã.

## **CHƯƠNG VI**

### **MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC VÀ ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO HOẠT ĐỘNG**

#### **Điều 19. Mối quan hệ công tác**

**1. Với Cấp ủy Đảng cùng cấp:** Hội đồng nhân dân đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp của cấp ủy Đảng cùng cấp; báo cáo, xin ý kiến về những vấn đề quan trọng thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân

**2. Với Ủy ban nhân dân cùng cấp:** Hội đồng nhân dân giám sát hoạt động của Ủy ban nhân dân; Ủy ban nhân dân có trách nhiệm báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân, cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu theo yêu cầu của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân.

**3. Với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp và các tổ chức thành viên:**

- Phối hợp trong việc chuẩn bị kỳ họp Hội đồng nhân dân, giám sát, tiếp xúc cử tri

- Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân mời đại diện Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên tham gia các cuộc họp, khảo sát, giám sát liên quan.

- Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân có trách nhiệm xem xét, giải quyết các kiến nghị của Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam cùng cấp.

**4. Với cử tri và Nhân dân:** Hội đồng nhân dân Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân có trách nhiệm lắng nghe, tiếp thu ý kiến, kiến nghị của cử tri và Nhân dân; công khai, minh bạch trong hoạt động để Nhân dân giám sát.

#### **Điều 20. Kinh phí và điều kiện đảm bảo hoạt động**

1. Kinh phí hoạt động của Hội đồng nhân dân cấp xã do ngân sách nhà nước cấp theo quy định của pháp luật

2. Ủy ban nhân dân xã có trách nhiệm bố trí văn phòng làm việc, trang thiết bị cần thiết và đảm bảo các điều kiện vật chất khác cho hoạt động của Hội đồng nhân

dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân.

3. Công chức giúp việc Hội đồng nhân dân: Công chức làm công tác văn phòng Hội đồng nhân dân có trách nhiệm tham mưu, giúp việc cho Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định.

4. Thường trực Hội đồng nhân dân có trách nhiệm tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho đại biểu Hội đồng nhân dân để nâng cao năng lực hoạt động.

## **CHƯƠNG VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

### **Điều 21. Tổ chức thực hiện**

1. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân có trách nhiệm tổ chức thực hiện nghiêm túc Quy chế này.

2. Ủy ban nhân dân xã có trách nhiệm phối hợp và tạo điều kiện thuận lợi cho Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân thực hiện Quy chế này.

### **Điều 22. Hiệu lực thi hành**

1. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày Hội đồng nhân dân xã An Nông thông qua ngày 28 tháng 8 năm 2025.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc quy định của pháp luật thay đổi, Thường trực Hội đồng nhân dân xã An Nông có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung Quy chế cho phù hợp.

#### **Nơi nhận:**

- HĐND tỉnh (để báo cáo);
- Cấp ủy Đảng xã (để b/c);
- UBND xã;
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức thành viên;
- Các Ban của HĐND cấp xã;
- Các Đại biểu HĐND xã;
- Lưu: VP, HĐND.

**TM. HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Việt Ba**